

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 07 – 5 - 2021

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung,
chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên

Bà Trần Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chuốt - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản”;

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn Th, sinh năm 1986 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thanh T – Luật sư Văn phòng luật sư Thanh Thủy – Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Địa chỉ: Số X đường H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Viết tắt Ngân hàng Nông nghiệp)

Trụ sở chính: Số Y đường T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội

Địa chỉ chi nhánh: Số Z đường T, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh Ng (Văn bản ủy quyền số 445/QĐ-NHNoNT-NH ngày 18/9/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp – có mặt).

2. Bà Trần Thị S, sinh năm 1963 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đặng Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 29/01/2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Ông xác định tình cảm của ông đối với bà H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có con chung cháu Đặng Gia H, sinh ngày 13/11/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông đồng ý giao cháu H cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi lao động tự túc được. Trường hợp bà H không nhận nuôi cháu H ông xin nuôi cháu H và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Trước khi kết hôn, ông có nhận chuyển nhượng thửa đất số 113, diện tích 128 m², tờ bản đồ quy hoạch Khánh Hội, tọa lạc tại thôn T, xã Tr, huyện N đã được UBND huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông.

Sau khi kết hôn, năm 2016 vợ chồng có xây dựng căn nhà cấp 4 trên thửa đất của ông với số tiền 460.000.000 đồng và tạo lập một số tài sản như kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 04/6/2020.

Nếu vợ chồng ly hôn ông yêu cầu được nhận tài sản là thửa đất và căn nhà gắn liền với đất. Ông đồng ý hoàn lại cho bà H ½ giá trị căn nhà; đối với các vật dụng, đồ đạc vợ chồng mua sắm trong thời kỳ hôn nhân gồm: bộ bàn gỗ sô pha (3

ghế, 2 bàn), kệ gỗ để ti vi, giường, ti vi, tủ đựng đồ và một số vật dụng cá nhân của bà H ông đồng ý giao cho bà H sở hữu không phải hoàn lại giá trị chênh lệch.

Về nợ chung: Năm 2017, vợ chồng ông có vay của bà Trần Thị S (mẹ bà H) số tiền 50.000.000 đồng để cất nhà, ông đồng ý trả cho bà S số tiền này mà không đưa vào nợ chung. Năm 2019, vợ chồng ông có vay Ngân hàng N 300.000.000 đồng. Hiện tại đã trả được 25.500.000 đồng, còn nợ 274.500.000 đồng. Ông đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số nợ này.

Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Tại Tòa án cấp sơ thẩm đã chi hết 3.000.000 đồng, ông đồng ý chịu và đã nộp đủ. Ông đồng ý với kết quả thẩm định, định giá tài sản.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý với lời trình bày của ông Đặng Văn Th về việc kết hôn, cuộc sống hôn nhân, con chung và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Th.

Về giao nuôi con: Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà với ông Th, bà xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đặng Gia H và yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H 18 tuổi lao động tự túc được.

Khi vợ chồng ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay ông Th không đưa tiền chi phí nuôi con, bà đề nghị ông Th cấp dưỡng 10 tháng x 3.000.000 đồng/tháng = 30.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tháng 11/2014, bà và ông Th đã có kế hoạch kết hôn nên cùng bàn bạc, thống nhất góp tiền nhận chuyển nhượng Thửa đất số 113, diện tích 128 m², tờ bản đồ QH Khánh Hội, tọa lạc tại thôn T, xã Tr, huyện N đã được UBND huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đặng Văn Th. Khi nhận chuyển nhượng giữa bà với ông Th thỏa thuận do vợ chồng chưa đăng ký kết hôn nên ông Th là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi kết hôn, năm 2016 vợ chồng bà xây dựng 01 căn nhà cấp 4 và mua sắm các vật dụng trong gia đình như ông Th trình bày. Bà có nguyện vọng xin được nhận nhà đất để ở nuôi con vì ngoài chỗ ở này bà không còn nơi ở nào khác, bà đồng ý hoàn lại cho ông Th ½ giá trị nhà đất. Bà đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Về nợ chung: Bà đồng ý với nội dung trình bày của ông Th và không có yêu cầu nào khác.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam chi nhánh huyện N trình bày:

Năm 2019, vợ chồng ông Đặng Văn Th bà Nguyễn Thị H có vay Ngân hàng Nông nghiệp số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02586.1/HĐTD và bảo đảm tài sản vay bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02586/HĐTC cùng ký ngày 12/6/2019. Sau khi vay, ông Th, bà H đã trả được 25.500.000 đồng, tính đến ngày xét xử phúc thẩm còn 274.500.000 đồng nợ gốc và 9.554.856 đồng nợ lãi. Trường hợp vợ chồng ông Th bà H ly hôn, yêu cầu ông Th bà H tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S trình bày tại Đơn trình bày ý kiến ngày 01/5/2021:

Bà là mẹ ruột bà Nguyễn Thị H. Năm 2017, vợ chồng ông Th bà H có vay bà số tiền 50.000.000 đồng nhưng chưa trả. Trường hợp vợ chồng ông Th bà H ly hôn thì bà yêu cầu trả cho bà số tiền này.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

- Căn cứ vào các điều 33, 43, 51, 55, 58, khoản 4 Điều 59, 62, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 157 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Văn Th với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị H thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Gia H, sinh ngày 13/11/2015.

Tuyên xử:

1. Về cấp dưỡng: Ông Đặng Văn Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Gia H, sinh ngày 13/11/2015 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản:

Giao cho ông Đặng Văn Th được quyền sử dụng diện tích 128 m² đất thuộc thửa số 113, Tờ bản đồ QH Khánh Hội được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 219282 ngày 30/01/2015 và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4A, diện tích 98 m², kết cấu móng xây đá chẻ, tường xây gạch, cửa gỗ lồng kính, mái ngói, trần đóng la phong thạch cao, mái tôn kẽm, xà gỗ sắt.

Ông Đặng Văn Th tự liên hệ các cơ quan có thẩm quyền huyện N làm các thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng số lô và diện tích đất sử dụng theo như Công văn số 1387/PTNMT ngày 04/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N.

Buộc ông Đặng Văn Th phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N số tiền 137.500.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và trả cho bà Trần Thị S 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Đặng Văn Th phải hoàn cho bà Nguyễn Thị H ½ giá trị căn nhà là 134.995.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N số tiền 137.500.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng số 02586.1/HĐTD ngày 12/6/2019 mà ông Đặng Văn Th đã ký với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N cho đến khi thi hành án xong.

Bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu những tài sản gồm: Bộ bàn gỗ sofa (3 ghế, 2 bàn); Kệ gỗ để ti vi; Ti vi hiệu LG 42in; Giường gỗ màu nâu kích thước (1,8 x 2)m; Giường gỗ kích thước (1,6 x 2) m; Tủ trang điểm bằng gỗ cao 0,6m; Tủ áo nhựa Đài Loan 04 cánh, cao 2m; Tủ giày dép bằng gỗ cao 0,6m; Tủ áo nhựa Đài Loan 4 cánh, cao 2m; Tủ giày dép bằng gỗ 3 cánh, cao 1,2m; Tủ lạnh

hiệu Samsung; Máy giặt cũ hiệu LG và xe máy hiệu Dream, biển số 85B1 – 451.82 (xe này ông Th đang quản lý).

Về yêu cầu ông Đặng Văn Th bồi thường 8.000.000 đồng giá trị chiếc điện thoại mà ông Th đập hỏng, yêu cầu này chưa được Tòa án thụ lý vì vậy bà Nguyễn Thị H có thể khởi kiện bằng một vụ dân sự khác nếu có yêu cầu.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

- Buộc ông Đặng Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng;

- Công nhận Thừa đất số 113, diện tích 128 m², tờ bản đồ QH Khánh Hội được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 219282 ngày 30/01/2015 có căn nhà cấp 4A, diện tích 98m² là tài sản chung của vợ chồng;

- Giao căn nhà trên thửa đất số 113, diện tích 128 m², tờ bản đồ QH Khánh Hội được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 219282 ngày 30/01/2015 cho bà ở, bà đồng ý hoàn lại phần trị giá tài sản bằng tiền cho ông Th vì ngoài căn nhà trên bà không còn chỗ ở nào khác;

- Buộc ông Đặng Văn Th bồi thường số tiền 8.000.000 đồng vì ông Th có hành vi hủy hoại tài sản là chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Đặng Văn Th không rút đơn khởi kiện; bị đơn bà Nguyễn Thị H không thay đổi, bổ sung, không rút một phần hoặc toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên các đương sự tự nguyện thỏa thuận được những vấn đề cụ thể sau:

Ông Đặng Văn Th với bà Nguyễn Thị H tự nguyện thuận tình ly hôn; giao cho bà H được quyền trực tiếp nuôi con là Đặng Gia H, sinh ngày 13/11/2015; ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị H thống nhất giá trị của căn nhà cấp 4A, diện tích 98m², móng đá chẻ, tường xây gạch loptich, cửa gỗ lồng kính, mái ngói, trần đóng la phong thạch cao, mái tôn kẽm xà gỗ sắt, xây vào năm 2016 trên thửa đất 113, diện tích 128 m², tờ bản đồ QH Khánh Hội là 340.000.000 đồng (tăng so với Biên bản định giá tài sản ngày 04/6/2020 của Hội đồng định giá xác định).

Ông Đặng Văn Th nhận những tài sản gồm: Bộ bàn gỗ sô pha (3 ghế, 2 bàn); Kệ gỗ để ti vi; Ti vi hiệu LG 42in; Giường gỗ màu nâu kích thước (1,8 x 2)m; Giường gỗ kích thước (1,6 x 2) m; Tủ trang điểm bằng gỗ cao 0,6m; Tủ áo nhựa Đài Loan 04 cánh, cao 2m; Tủ giày dép bằng gỗ cao 0,6m; Tủ giày dép bằng gỗ 3 cánh, cao 1,2m; Tủ lạnh hiệu Samsung; Máy giặt cũ hiệu LG và xe mô tô hiệu Dream, biển số 85B1 – 451.82 (ông Th đang quản lý) và hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H 100.000.000 đồng tổng giá trị những tài sản này.

Ông Đặng Văn Th đồng ý trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 209.554.856 đồng (Hai trăm lẻ chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng) trong đó gồm: 200.000.000 đồng nợ gốc và 9.554.856 đồng nợ lãi; Bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng nông nghiệp số tiền 74.500.000 đồng nợ gốc (tính đến ngày 07/5/2021).

Nội dung còn tranh chấp: Nguyên đơn Ông Đặng Văn Th xác định thửa đất số 113, diện tích 128 m², tờ bản đồ QH Khánh Hội được UBND huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 219282 ngày 30/01/2015 là tài sản riêng của ông nhận chuyển nhượng trước thời kỳ hôn nhân; Bà Nguyễn Thị H không đồng ý thửa đất 113 là tài sản riêng của ông Th mà là tài sản chung của vợ chồng, đồng thời yêu cầu được nhận nhà đất và hoàn lại giá trị bằng tiền cho ông Th.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người bảo vệ quyền lợi ích của bị đơn trình bày tranh luận: Thửa đất 113 nói trên là của bà H và ông Th cùng góp tiền để nhận chuyển nhượng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào ngày 30/01/2015 là sau thời điểm vợ chồng bà H đăng ký kết hôn và bà H có cung cấp lời trình bày của người làm chứng là ông Trương Văn L và ông Nguyễn Hoàng Đ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thửa đất 113 và căn nhà trên đất là tài sản chung của ông Th bà H; đồng thời yêu cầu phải giao nhà đất cho bà H sử dụng sở hữu là phù hợp pháp luật và điều kiện thực tế cuộc sống hiện tại của bà H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý cho vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận về phần cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Đối với thửa đất 113 diện tích 128 m² ông Đặng Văn Th nhận chuyển nhượng bằng tiền của mình trước hôn nhân nên là tài sản của cá nhân ông Th; không có căn cứ để xác định thửa đất này là tài sản chung của ông Th với bà H. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà H.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Trần Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Thị S.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Văn Th với bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn (ngày 29/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định) là hợp pháp. Quá trình chung sống ông Th bà H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng đã tự nguyện thuận tình ly hôn và tự nguyện thỏa thuận về việc giao cho bà H là người có quyền trực tiếp nuôi con chung là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Th với bà H là đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Văn Th đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H tăng số tiền cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Gia H, sinh ngày 13/11/2015, số tiền 3.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 12/2020 đến lúc con thành niên đủ 18 tuổi. Thấy rằng thỏa thuận này của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận tự nguyện này chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo xác định Thửa đất số 113, diện tích 128 m², tờ bản đồ QH Khánh Hội được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 219282 ngày 30/01/2015 và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4A,

diện tích 98m² là tài sản chung của ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị H; đồng thời yêu cầu được giao nhà đất này cho bà H. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Công văn số 1902/UBND-NC ngày 22/5/2020 (BL 80) của UBND Ninh Hải có nội dung: *“Căn cứ theo các văn bản có trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn Th diện tích 128m² thuộc thửa số 113 tờ bản đồ QH Khánh Hội được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 219282 ngày 30/01/2015 là tài sản được cấp cho cá nhân ông Đặng Văn Th”*.

[4.2] Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn Th và ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị H do Văn phòng công chứng Thanh Hằng (tỉnh Ninh Thuận) chứng thực ngày 15/12/2014 (BL 73,74) thể hiện bên nhận chuyển nhượng là ông Đặng Văn Th, không có tên, chữ ký hoặc văn bản thể hiện bên nhận chuyển nhượng là thỏa thuận chung của bà H, ông Th. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2020 ông Nguyễn Văn Mười và bà Nguyễn Thị Hương (BL 83) trình bày: *“Ngày 15/12/2014, vợ chồng ông bà có chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Th diện tích 128m² đất thuộc thửa 113, tờ bản đồ quy hoạch Khánh Hội với giá 40.000.000 đồng theo hợp đồng công chứng ngày 15/12/2014. Thực tế giá chuyển nhượng đất là 125.000.000 đồng. Ông Th là người đứng ra ký kết hợp đồng và giao tiền. Ông Th đặt cọc trước 5.000.000 đồng, sau đó ông Th tiếp tục thanh toán cho vợ chồng ông bà số tiền còn lại. Tại thời điểm đó ông bà không biết bà Nguyễn Thị H. Theo ông bà được biết thì tại thời điểm đó ông Th chưa có vợ nên số tiền chuyển nhượng đất là tiền của bản thân ông Th...”*.

[4.3] Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh Ninh Hải cung cấp thể hiện cá nhân ông Đặng Văn Th là người trực tiếp làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có văn bản ủy quyền của bà H về việc ủy quyền cho ông Th làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của ông Th, bà H.

[4.4] Bà H trình bày thửa đất trên là tài sản chung của bà và ông Th cùng góp tiền để nhận chuyển nhượng trước lúc kết hôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào ngày 30/01/2015 là sau thời điểm bà với ông Th đăng ký kết hôn và việc này ông Trương Văn Long và ông Nguyễn Hoàng Đông biết. Tuy nhiên, ông Long và ông Đông đều khẳng định biết thông tin ông Th và bà H góp tiền mua đất chung do bà H kể lại, có thấy việc bà H đưa cho ông Th 10.000.000 đồng nhưng giữa ông Th và bà H thỏa thuận với nhau như thế nào thì các ông không rõ, không chứng kiến việc ông Th bà H trực tiếp thực hiện giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngoài trình bày của người làm chứng trên, bà

H không cung cấp được giấy tờ nào thể hiện việc bà H có góp tiền mua đất với ông Th cũng như không có văn bản nào thể hiện hai bên thỏa thuận diện tích đất này là tài sản chung do ông Th đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào ngày 30/01/2015 sau thời điểm đăng ký kết hôn 01 ngày nhưng việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được thực hiện từ trước khi ông Th bà H đăng ký kết hôn. Ông Th không thừa nhận đất này là do ông cùng bà H mua chung mà do ông Th trực tiếp thực hiện giao dịch và dùng tiền cá nhân của ông để chi trả cho bên chuyển nhượng đất.

[4.5] Với các tài liệu, chứng cứ trên đủ cơ sở khẳng định thửa đất số 113, tờ bản đồ QH Khánh Hội được UBND huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 219282 ngày 30/01/2015 là tài sản riêng của ông Đặng Văn Th. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Nguyễn Thị H.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H về việc được nhận căn nhà trên thửa đất số 113, diện tích 128 m² cho bà được quyền sử dụng, sở hữu; bà sẽ hoàn lại phần trị giá tài sản bằng tiền cho ông Đặng Văn Th nhận thấy: Ông Th, bà H đều thừa nhận vay mượn tiền, góp tiền xây căn nhà cấp 4A, diện tích 98m² trên thửa đất số 113 nói trên vào năm 2016. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th và bà H đều có yêu cầu được nhận nhà vì ngoài nơi ở này ông, bà không còn chỗ ở nào khác. Do căn nhà này là tài sản gắn liền với diện tích 128m² đất thuộc thửa số 113, diện tích đất này được xác định là tài sản riêng của cá nhân ông Đặng Văn Th, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cho ông Th được quyền sử dụng diện tích 128m² đất thuộc thửa số 113 và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4A, diện tích 98m²; ông Th phải hoàn lại ½ giá trị căn nhà cho bà H là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Nguyễn Thị H.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th đồng ý xác định giá trị của căn nhà là 340.000.000 đồng (Biên bản định giá tài sản ngày 04/6/2020, Hội đồng định giá xác định căn nhà cấp 4A, diện tích 98m² trị giá là 269.990.000 đồng). Bà H đồng ý với giá trị căn nhà mà ông Th đưa ra. Xét thấy, giá trị căn nhà hai bên thỏa thuận là phù hợp giá trị thực tế, bảo đảm quyền lợi của các bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các bên, giao cho ông Th được nhận tài sản là căn nhà cấp 4A, diện tích 98m² trên thửa đất số 113 và có trách nhiệm hoàn lại cho bà H ½ giá trị căn nhà là 340.000.000 đồng/2 = 170.000.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm các bên thỏa thuận, ông Đặng Văn Th đồng ý nhận những tài sản vật dụng trong nhà gồm: Bộ bàn gỗ sô pha (3 ghế, 2 bàn); kệ

gỗ để ti vi; ti vi hiệu LG 42 inch; giường gỗ màu nâu kích thước (1,8 x 2) m; giường gỗ kích thước (1,6 x 2) m; tủ trang điểm bằng gỗ cao 0,6m; tủ áo nhựa Đài Loan 04 cánh, cao 2m; tủ giày dép bằng gỗ cao 0,6m; tủ giày dép bằng gỗ 3 cánh, cao 1,2m; tủ lạnh hiệu Samsung; máy giặt cũ hiệu LG và xe máy hiệu Dream, biển số 85B1 – 451.82 (xe này ông Th đang quản lý); ông Th nhận những tài sản này và hoàn lại cho bà H 100.000.000 đồng. Xét thấy thỏa thuận của đương sự là phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử công nhận.

[8] Về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Đặng Văn Th bồi thường số tiền 8.000.000 đồng do ông Th có hành vi làm hỏng chiếc điện thoại Iphone 7 plus của bà: Yêu cầu này Tòa án cấp sơ thẩm chưa thụ lý, giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H có quyền làm đơn khởi kiện vụ án dân sự riêng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự nếu có yêu cầu.

[9] Về nợ chung: Tính đến ngày xét xử phúc thẩm (ngày 07/5/2021) ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp 284.054.856 đồng, trong đó có 274.500.000 đồng nợ gốc và 9.554.856 đồng nợ lãi. Ông Th đồng ý trả cho Ngân hàng Nông nghiệp 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 9.554.856 nợ lãi; bà H trả nợ gốc còn lại là 74.500.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp bà Trần Thị Thanh Ng đồng ý với sự thỏa thuận này của đương sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

[10] Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Đặng Văn Th phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con; Bà Nguyễn Thị H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn Th được nhận: 170.000.000 đồng (trị giá $\frac{1}{2}$ căn nhà + 100.000.000 đồng các vật dụng trong gia đình + 50.000.000 đồng nợ bà Trần Thị S + 209.554.856 đồng nợ ngân hàng = 529.554.856 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi tư ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng). Do đó, ông Th phải chịu 25.182.194 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 20.000.000 đồng + (129.554.856 x 4%) = 25.182.194 đồng).

Tổng cộng ông Th phải chịu: 25.632.194 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn một trăm chín mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 150.000 đồng + 300.000 đồng + 25.182.194 đồng = 25.632.194 đồng).

Bà Nguyễn Thị H được nhận: 170.000.000 đồng (trị giá $\frac{1}{2}$ căn nhà) + 74.500.000 đồng nợ ngân hàng = 244.500.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Do đó, bà H phải chịu 12.225.000 đồng án phí dân sự sơ

thảm (cách tính: 244.500.000 đồng x 5% = 12.225.000 đồng).

Tổng cộng bà H phải chịu: 12.375.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 150.000 đồng + 12.225.000 đồng = 12.375.000 đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Bị đơn bà Nguyễn Thị H; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận về phần cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 33, 43, 55, 58, khoản 4 Điều 59, 62, 81, 82, 83 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 98 Luật Đất đai năm 2013; Điều 223 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 147, 157, 228, 293 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H; sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Văn Th với bà Nguyễn Thị H.

2. Về giao nuôi con chung và cấp dưỡng: Ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị H thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Gia H, sinh ngày 13/11/2015.

Ông Đặng Văn Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Gia H, sinh ngày 13/11/2015 mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung Đặng Gia H đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Giao cho ông Đặng Văn Th được quyền sử dụng diện tích 128 m² đất thuộc thửa số 113, Tờ bản đồ QH Khánh Hội được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 219282 ngày 30/01/2015 đứng tên ông Đặng Văn Th và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4A, diện tích 98 m², kết cấu móng xây đá chẻ, tường xây gạch, cửa gỗ lồng kính, mái ngói, trần đóng la phong thạch cao, mái tôn kẽm, xà gồ sắt.

Ông Đặng Văn Th có trách nhiệm liên hệ các cơ quan có thẩm quyền huyện Ninh Hải làm các thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng số lô và diện tích đất sử dụng theo như Công văn số 1387/PTNMT ngày 04/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N.

Ông Đặng Văn Th phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện N số tiền 209.554.856 đồng (*Hai trăm lẻ chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng*) gồm: 200.000.000 đồng nợ gốc và 9.554.856 đồng nợ lãi (Tính đến ngày 07/5/2021).

Ông Đặng Văn Th phải trả cho bà Trần Thị S số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ông Đặng Văn Th phải hoàn cho bà Nguyễn Thị H $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) và 100.000.000 đồng trị giá các vật dụng trong gia đình. Ông Th phải hoàn lại cho bà H tổng cộng số tiền 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện N số tiền 74.500.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) nợ gốc.

Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng số 02586.1/HĐTD và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02586 ngày 12/6/2019 mà ông Đặng Văn Th, bà Nguyễn Thị H đã ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện N cho đến khi thi hành án xong.

Ông Đặng Văn Th được quyền sở hữu những tài sản gồm: Bộ bàn gỗ sô pha (3 ghế, 2 bàn); kệ gỗ để ti vi; ti vi hiệu LG 42 inch; giường gỗ màu nâu kích thước (1,8 x 2)m; giường gỗ kích thước (1,6 x 2) m; tủ trang điểm bằng gỗ cao 0,6m; Tủ áo nhựa Đài Loan 04 cánh, cao 2m; tủ giày dép bằng gỗ cao 0,6m; tủ áo nhựa Đài Loan 4 cánh, cao 2m; tủ giày dép bằng gỗ 3 cánh, cao 1,2m; tủ lạnh hiệu Samsung; máy giặt cũ hiệu LG và xe máy hiệu Dream, biển số 85B1 – 451.82 (Ông Th đang quản lý, sử dụng).

Về chi phí tố tụng khác tại Tòa án cấp sơ thẩm: Ông Đặng Văn Th tự nguyện chịu 3.000.000 đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản, ông Th đã nộp đủ số tiền này.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Văn Th phải chịu 25.632.194 đồng (*Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn một trăm chín mươi tư đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 11.200.000 đồng tạm ứng án phí ông Đặng Văn Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0021268 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, ông Th còn phải nộp 14.432.194 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn một trăm chín mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 12.375.000 đồng (*Mười hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Huyện N số tiền 6.800.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021497 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Trần Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Trần Thị S số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí (do bà Nguyễn Thị H nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021498 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0024509 ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/5/2021)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- TAND huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HCTP; tập bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thanh